

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56 /2021/HSST
Ngày: 23- 02- 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Bá Thành

2. Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Ngọc Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 23/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HS ngày 06/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/HSST- QĐ ngày 27/01/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Chá V.** Tên gọi khác: Không.

Sinh năm: 1968, tại tỉnh Đ;

Nơi cư trú: Bản C 02, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: Không; Con ông: Chá C (Đã chết); Con bà: Vừ Thị S (Còn sống); Vợ: Vàng Thị C - Sinh năm 1971; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/9/2020 đến ngày xét xử, (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lương Văn B - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ, (Có mặt).

- Người phiên dịch cho bị cáo: Ông Dương Văn K; Địa chỉ: Bản T, xã T, thành phố B, tỉnh Đ, (Có mặt).

- Nguyên đơn dân sự:

UBND xã N, thành phố B, tỉnh Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Giàng C - C vụ: Chủ tịch UBND xã N. Địa chỉ: Xã N, thành phố B, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

Cộng đồng bản H, xã N, thành phố B, tỉnh Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vàng T, trưởng bản H, xã N, thành phố B, tỉnh Đ. Địa chỉ: bản H, xã N, thành phố B, tỉnh Đ, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có đất trồng lúa nương, khoảng đầu tháng 02/2020, Chá V một mình đi bộ mang theo 01 con dao chặt, 01 chiếc rìu đến khu vực rừng phòng hộ TXP (Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi), trữ lượng 14,549m³/ha, có nhiều cây gỗ to nhỏ khác nhau, có chiều cao khoảng 10m, dưới tán cây có dây leo, cây cối rậm rạp, thuộc tiểu khu 687, khoảnh 11, lô 35, ở bản H 1, xã N, thành phố B, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ giao đất, giao rừng cho cộng đồng dân cư bản H 1, xã N, huyện Đ (nay là thành phố B) quản lý vào năm 2016. Và dùng dao phát toàn bộ những cây gỗ nhỏ, thảm thực vật, dùng rìu chặt những cây gỗ to. Chặt phá liên tục trong thời gian 07 ngày thì không phá nữa, chờ khô đốt. Đến khoảng đầu tháng 5/2020, bị cáo đốt toàn bộ diện tích rừng đã chặt phá và thảm thực vật, sau đó gieo lúa nương trên diện tích rừng đã phá này.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 09 giờ ngày 30/6/2020, của Hạt kiểm lâm thành phố B, xác định: Toàn bộ diện tích rừng Chá V chặt phá là 5.300m², trong đó có 86 cây gỗ bị chặt phá có kích thước, đường kính to nhỏ khác nhau, toàn bộ gốc cây và thân cây đều bị đốt cháy xém và có vết chặt nham nhở.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 75 ngày 16/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Trữ lượng gỗ Chá V đã chặt phá là 7,710m³, có trị giá 11.658.400 đồng.

Tại bản cáo trạng số 134/CT-VKS-TPĐBP ngày 23/11/2020, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, đã truy tố bị cáo Chá V về tội: Hủy hoại rừng, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội "Hủy hoại rừng", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS, xử phạt bị cáo Chá V từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Bị cáo thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên miễn án phí hình sự sơ thẩm. Vật chứng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện

kiểm sát. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội do kém hiểu biết và do cần đất để sản xuất, mặt khác bị cáo không nhận thức được rừng mình phá là rừng phòng hộ, do việc tuyên truyền về việc bảo vệ rừng của các cơ quan có liên quan còn hạn chế. Bị cáo thuộc hộ nghèo. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo V không bỏ S thêm lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo, của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để xác định: Trong thời gian từ tháng 02/2020 đến tháng 5/2020, bị cáo Chá V đã có hành vi chặt phá, hủy hoại 5.300m² rừng phòng hộ, thuộc tiểu khu 687, khoảnh 11, lô 35, thuộc bản H 1, xã N, thành phố B, để trồng lúa nương. Gây thiệt hại về lâm sản là 7,710 m³ gỗ tự nhiên, thuộc nhóm IV đến nhóm VIII, trị giá 11.658.400 đồng.

Diện tích rừng bị phá hủy một phần thuộc sự quản lý, bảo vệ của cộng đồng dân cư bản H, xã N, thành phố B, một phần thuộc sự quản lý, bảo vệ của UBND xã N, thành phố B. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm các quy định của Nhà nước về bảo vệ rừng, vi phạm pháp luật. Chá V là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách về quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước. Nguyên nhân là do bị cáo thiếu đất sản xuất, lại thiếu hiểu biết các quy định về quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ, bị cáo là người dân tộc thiểu số, không có trình độ văn hóa, nhận thức pháp luật còn hạn chế, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và ổn định, đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ truy tố bị cáo V về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243/BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Với hành vi phạm tội cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo như đã phân tích ở trên, thì mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 4 Điều 243 BLHS thì: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm C vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*". Tuy nhiên, bị cáo ngoài làm nương ra không có nghề nghiệp, thu nhập gì khác, thu nhập không ổn định, thuộc hộ nghèo. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung, cũng như không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5]. Vật chứng: 01 dao phát, 01 rìu bị cáo V sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Yêu cầu bồi thường thiệt hại: Ủy ban nhân dân xã N, thành phố B và Cộng đồng dân cư bản H, xã N, thành phố B không yêu cầu bị cáo bồi thường bằng tiền. Việc trồng lại rừng bị phá, Ủy ban nhân dân xã N, thành phố B và Cộng đồng dân cư bản H, xã N, thành phố B sẽ cùng bị cáo thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 36 /BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Chá V phạm tội "Hủy hoại rừng".

- Xử phạt bị cáo 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Đ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đ

Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

2. Về bồi thường thiệt hại: Không đề cập giải quyết.

3. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47/BLHS; khoản 1 và điểm c, khoản 2 Điều 106/BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy: 01 rìu chặt, lưỡi rìu dài 20 cm, bản rộng lưỡi rìu 03cm, cán gỗ dài 66cm, tình trạng rìu đã qua sử dụng, lưỡi rìu có nhiều vết sứt mẻ nhỏ, 01 con dao phát bằng sắt dài 28cm, bản rộng lưỡi dao 04 cm, có mũi quắm, cán gỗ dài 50cm, lưỡi dao có nhiều vết sứt mẻ nhỏ, dao phát cũ đã qua sử dụng (*Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05 tháng 11 năm 2020 giữa Chi cục thi hành án dân sự thành phố B và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B*).

4. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS, Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan CS điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- UBND xã P;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

